ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CĐ KINH TẾ-KỸ THUẬT

Số: 412 /QĐ-CĐKTKT-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên K16
Hệ Cao đẳng đào tạo theo hệ thống tín chỉ
Đợt tháng 5/2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh& Xã hội Quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-CĐKTKT-ĐT ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp năm học 2022-2023, ngày 09/05/2023;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên K16CĐ;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo-QLKH&HTQT;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành cho 106 sinh viên K16 hệ Cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa không khí, Điện tử CN, Công nghệ Ô tô (*khóa học 2021-2023*) đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Không công nhận tốt nghiệp đối với 20 sinh viên thuộc khóa học trên do chưa đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng, Phó phòng Đào tạo-QLKH&HTQT; Phòng Công tác HSSV; Kế toán trưởng; Các Khoa có liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như điều 2;
-BGH(báo cáo);
-Phòng TH(đưa lên website);
-Lưu VT, P.ĐT-QLKH&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ KỸ THUẬT
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

T.S Ngô Xuân Hoàng

DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2023)

Lớp: K16CĐ- Điện lạnh

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12022065202050003	Nguyễn Minh	Châu	04/07/2002	90	8,49	3,56	Giỏi	
2	CDT12022065202050004	Hà Khương	Duy	28/09/2002	90	8,08	3,36	Giỏi	
3	CDT12022065202050005	Hoàng Văn	Dương	16/09/2001	90	7,32	2,8	Khá	
4	CDT12022065202050006	Trương Công	Đô	04/09/2001	90	7,47	2,85	Khá	
5	CDT12022065202050007	Hoàng Văn	Đức	14/08/2001	90	7,31	2,67	Khá	
6	CDT12022065202050008	Tràn Minh	Đức	25/10/2002	90	7,47	2,76	Khá	
7	CDT12022065202050009	Nguyễn Văn	Hải	14/10/2002	90	7,4	2,76	Khá	
8	CDT12022065202050010	Lưu Văn	Hiệp	13/09/2002	90	7,85	3,13	Khá	
9	CDT12022065202050011	Chu Minh	Hiếu	20/02/2001	90	7,43	2,7	Khá	
10	CDT12022065202050012	Nguyễn Ngọc	Hiếu	27/10/2002	90	7,36	2,8	Khá	
11	CDT12022065202050013	Trịnh Trung	Hiếu	11/11/2002	90	7,16	2,51	Khá	
12	CDT12022065202050014	Nguyễn Phi	Hùng	26/11/2002	90	6,94	2,35	Trung bình	
13	CDT12022065202050015	Trần Ngọc	Huy	24/05/2002	90	7,38	2,81	Khá	
14	CDT12022065202050016	Trần Quang	Huy	13/06/2002	90	6,98	2,46	Trung bình	
15	CDT12022065202050017	Nguyễn Quang	Linh	20/06/2001	90	7	2,54	Khá	
16	CDT12022065202050018	Dương Đình	Long	28/03/1996	90	7,92	3,07	Khá	
17	CDT12022065202050020	Lưu Văn	Mạnh	06/01/2002	90	7,65	2,96	Khá	
18	CDT12022065202050021	Dương Công	Minh	28/03/2002	90	7,74	2,9	Khá	
19	CDT12022065202050022	Nguyễn Văn	Nam	24/03/2001	90	6,94	2,4	Trung bình	
20	CDT12022065202050023	Dương Văn	Nghiệp	13/05/2002	90	7,43	2,77	Khá	
21	CDT12022065202050024	Mai Văn	Quang	29/03/1999	90	7,44	2,94	Khá	
22	CDT12022065202050028	Dương Văn	Thành	17/04/2002	90	8,14	3,24	Giỏi	
23	CDT12022065202050029	Lê Đức	Thịnh	25/03/2002	90	6,57	2,19	Trung bình	
24	CDT12022065202050030	Hoàng Đình	Thuận	22/12/2002	90	6,97	2,48	Trung bình	

25	CDT12022065202050031	Lê Đức	Trường	23/07/2001	90	7,27	2,63	Khá	
26	CDT12022065202050032	Phạm Hiếu	Trường	02/02/2002	90	7,74	3,01	Khá	
27	CDT12022065202050025	Nguyễn Văn	Tú	18/08/2002	90	7,9	3,13	Khá	
28	CDT12022065202050026	Diệp Văn	Tùng	05/06/2002	90	7,69	3,08	Khá	
29	CDT12022065202050034	Đỗ Văn	Vượng	11/10/2002	90	7,73	3,07	Khá	

Danh sách ấn định: 29 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc

Giỏi 3

Khá 21

Trung bình 5

Ngày .... tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 05 năm 2023)

Lớp: K16CĐ-ĐIỆN LẠNH - NGÀNH KỸ THUẬT MÁY LẠNH &ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Lý do chưa đủ điều kiện tốt nghiệp
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
1	CDT12022065202050019	Nguyễn Đức	Mạnh	28/10/2001	81	6,72	2,48	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Máy điện-EMA231 (0))]; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt

Danh sách ấn định: 01 Sinh viên

Ngày tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2023)

Lớp: K16CĐ-Điện tử công nghiệp

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12022065202250001	Mai Hoàng	Anh	26/04/2002	90	6,78	2,39	Trung bình	
2	CDT12022065202250002	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2002	90	7,7	3,1	Khá	
3	CDT12022065202250044	Hoàng Văn	Bình	01/01/2000	90	7,48	2,92	Khá	
4	CDT12022065202250003	Hoàng Thọ	Du	10/09/2002	90	7,03	2,55	Khá	
5	CDT12022065202250004	Hoàng Văn	Đoài	05/11/2002	90	8,29	3,2	Giỏi	
6	CDT12022065202250043	Lưu Trung	Hiếu	16/07/1998	90	6,88	2,43	Trung bình	
7	CDT12022065202250005	Nguyễn Đình	Hiếu	15/03/2002	90	8,15	3,31	Giỏi	
8	CDT12022065202250006	Nguyễn Ngọc	Hòa	05/12/1999	90	7,33	2,73	Khá	
9	CDT12022065202250007	Đặng Việt	Hoàng	21/07/2002	90	7,87	3,13	Khá	
10	CDT12022065202250008	Đàm Quang	Huy	09/08/2000	90	7,18	2,67	Khá	
11	CDT12022065202250012	Dương Văn	Khiêm	21/03/2002	90	6,55	2,23	Trung bình	
12	CDT12022065202250013	Phạm Trần	Khiêm	21/10/2001	90	6,86	2,5	Khá	
13	CDT12022065202250014	Lê Văn	Long	27/07/2002	90	7	2,52	Khá	
14	CDT12022065202250015	Nguyễn Văn	Long	12/09/2002	90	7	2,6	Khá	
15	CDT12022065202250016	Trần Văn	Long	10/01/1999	90	6,88	2,46	Trung bình	
16	CDT12022065202250017	Dương Văn	Luân	07/01/2002	90	6,72	2,36	Trung bình	
17	CDT12022065202250019	Dương Hoài	Nam	04/02/2002	90	6,82	2,4	Trung bình	
18	CDT12022065202250020	Nguyễn Minh	Nghĩa	05/07/2002	90	6,99	2,5	Khá	
19	CDT12022065202250022	Trần Minh	Quân	14/02/2002	90	7,56	2,71	Khá	
20	CDT12022065202250025	Bùi Công	Quỳnh	08/05/2002	90	7,11	2,56	Khá	
21	CDT12022065202250027	Lê Mạnh	Tài	20/12/2002	90	7,41	2,68	Khá	
22	CDT12022065102160013 2	Nguyễn Ngọc	Tân	01/04/2000	90	7,8	2,95	Khá	
23	CDT12022065202250033	Trương Ngọc	Thạch	22/09/2002	90	8,48	3,55	Giỏi	
24	CDT12022065202250035	Phạm Hồng	Thái	05/07/1999	90	8,28	3,38	Giỏi	
25	CDT12022065202250036	Đào Xuân	Thắng	21/06/2000	90	6,8	2,46	Trung bình	
26	CDT12022065202250037	La Văn	Thiết	03/08/2002	90	8,13	3,32	Giỏi	
27	CDT12022065202250041	Phạm Văn	Thông	13/02/1996	90	7,51	2,87	Khá	
28	CDT12022065202250028	Đàm Văn	Tiến	24/12/2001	90	7,49	2,9	Khá	

29	CDT12022065202250029	Nguyễn Quốc	Tiến	07/09/2002	90	6,63	2,27	Trung bình	
30	CDT12022065202250030	Trần Thanh	Tiến	07/09/2001	90	7,86	3,04	Khá	
31	CDT12022065202250031	Trương Xuân	Tới	14/06/2002	90	6,99	2,49	Trung bình	
32	CDT12022065202250032	Phạm Quang	Tùng	14/10/2001	90	7,04	2,49	Trung bình	
33	CDT12022065202250038	Trần Tiến	Văn	29/05/2002	90	8,21	3,33	Giỏi	
34	CDT12022065202250039	Dương Văn	Vinh	08/09/2002	90	6,86	2,38	Trung bình	
35	CDT12022065202250040	Nguyễn Văn	Vượng	19/04/2001	90	8,78	3,7	Xuất sắc	

Danh sách ấn định: 35 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	1
Giỏi	6
Khá	17
Trung bình	11

Ngày .... tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2023)

Lớp: K16CĐ-ĐTCN - NGÀNH ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Lý do chưa đủ điều kiện tốt nghiệp
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
1	CDT12022065202250009	Hoàng Quốc	Huy	29/08/2001	81	6,19	2,01	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Điện tử tương tự-SLE331(MĐ) (0))]
2	CDT12022065202250011	Hà Quang	Khánh	04/09/2002	81	6,47	2,19	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Điện tử tương tự-SLE331(MĐ) (0))]
3	CDT12022065202250042	Cam Hải	Kiên	31/01/1998	74	6	2,06	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (74/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(74/84: Tiếng Anh 2-FOL121 (0), Tin học-GIF131 (0), Máy điện-EMA231 (2.80), Điện kỹ thuật-TEL221(MD) (0))]; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt, GDTC: (0)
4	CDT12022065202250021	Lê Minh	Phong	19/03/2002	81	7,03	2,7	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Điện tử tương tự-SLE331(MĐ) (0))]
5	CDT12022065202250023	Lưu Văn	Quốc	13/01/2002	69	5,38	1,74	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (69/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(69/84: Điện tử công suất-PWE331 (0.10), Tiếng Anh 2-FOL121 (0), Linh kiện điện tử-ELC231(MD) (2.20), Cơ sở kỹ thuật mạch điện tử-ETC241(MH) (1.70), Điện tử số 2-ELN332(MĐ) (1.70))]; ĐTK HE4 = 1.74
6	CDT12022065202250026	Trần Văn	Sơn	01/01/2001	74	5,72	1,92	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (74/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(74/84: Thực tập tốt nghiệp-TTN4103 (0))]; ĐTK HE4 = 1.92
7	CDT120220651021600136	Lê Đức	Toại	05/07/2002	64	5,24	1,51	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (64/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(64/84: Thực tập tốt nghiệp-TTN4103 (2), Máy điện-EMA231 (2.70), Cơ sở kỹ thuật mạch điện tử-ETC241(MH) (1.90), Điện tử số 2-ELN332(MĐ) (0.90))]; GDTC: (0). ĐTK HE4 = 1.51

Danh sách ấn định: 07 Sinh viên

Ngày tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2023)

Lớp: K16CĐ-Ô tô B

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT12022065102160078	Nông Thế	Anh	29/11/2001	90	7,88	3,14	Khá	
2	CDT12022065102160079	Trần Việt	Anh	07/05/2002	90	7,16	2,76	Khá	
3	CDT12022065102160080	Lê Văn	Cảnh	14/03/2002	90	7,36	2,73	Khá	
4	CDT12022065102160082	Lờ A	Chua	10/02/2001	90	7,24	2,71	Khá	
5	CDT12022065102160081	Vũ Viết	Công	12/09/2002	90	7,03	2,58	Khá	
6	CDT12022065102160083	Nguyễn Khánh	Duy	13/04/1999	90	6,98	2,56	Khá	
7	CDT12022065102160085	Nguyễn Tuấn	Điệp	06/10/2002	90	7,13	2,82	Khá	
8	CDT12022065102160086	Ngô Quý	Đức	14/02/2002	90	6,85	2,43	Trung bình	
9	CDT12022065102160087	Diệp Quang	Hà	17/10/2001	90	7,32	2,83	Khá	
10	CDT12022065102160089	Mông Đức	Hiệp	22/10/2002	90	7,12	2,73	Khá	
11	CDT12022065102160090	Ninh Đại	Hiệp	23/02/2002	90	7,26	2,79	Khá	
12	CDT12022065102160091	Phùng Văn	Hiếu	16/12/2002	90	7,19	2,74	Khá	
13	CDT12022065102160092	Hứa Đức	Hoan	25/10/2002	90	7,03	2,7	Khá	
14	CDT12022065102160093	Phạm Lê Việt	Hoàng	30/09/2002	90	7,33	2,88	Khá	
15	CDT12022065102160094	Hoàng Phi	Hùng	12/09/2002	90	6,56	2,25	Trung bình	
16	CDT12022065102160095	Trần Ngọc	Hùng	05/02/1999	90	7,04	2,56	Khá	
17	CDT12022065102160096	Triệu Đức	Hùng	22/06/2001	90	7,79	3,02	Khá	
18	CDT12022065102160098	Hà Văn	Khải	29/09/2001	90	7,6	2,87	Khá	
19	CDT12022065102160100	Phạm Văn	Khánh	07/04/2001	90	7,83	3,07	Khá	
20	CDT12022065102160101	Phạm Minh	Khôi	03/02/2002	90	6,96	2,56	Khá	
21	CDT12022065102160097	Nguyễn Trung	Kiên	04/06/2002	90	7,48	2,87	Khá	

22	CDT120220651021600102	Trần Quốc	Liêm	15/03/2002	90	7,4	2,92	Khá	
23	CDT120220651021600107	Nguyễn Đức	Mạnh	18/06/2002	90	7,17	2,83	Khá	
24	CDT120220651021600108	Thân Văn	Minh	07/07/1998	90	7,76	3,13	Khá	
25	CDT120220651021600111	Đinh Xuân	Tiến	09/11/2001	90	6,86	2,51	Khá	

Danh sách ấn định: 25 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc

Giỏi

Khá 23

Trung bình 2

Ngày .... tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412/QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 05 năm 2023)

Lớp: K16CĐ- Ô TÔ B - NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Lý do chưa đủ điều kiện tốt nghiệp
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
1	CDT12022065102160084	Phạm Văn	Duy	17/07/2002	84	6,48	2,24	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt, GDTC(0)
2	CDT12022065102160088	Nguyễn Văn	Hải	06/05/2002	82	6,89	2,5	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (82/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(82/84: Cơ kỹ thuật-MEE221 (2.20))]
3	CDT120220651021600103	Hà Đình	Long	07/07/2000	84	6,98	2,61	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
4	CDT120220651021600113	Dương Đức	Văn	28/05/2002	84	6,58	2,3	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt

Danh sách ấn định: 04 Sinh viên

Ngày tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2023)

Lớp: K16CĐ- Ô tô C

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT120220651021600114	Lại Đức	Duy	24/10/2002	90	6,68	2,37	Trung bình	
2	CDT120220651021600120	Nguyễn Xuân	Mạnh	27/09/1999	90	6,61	2,26	Trung bình	
3	CDT120220651021600124	Trần Long	Nhật	05/11/2002	90	7,17	2,67	Khá	
4	CDT120220651021600123	Trần Quang	Ninh	19/05/2001	90	6,51	2,29	Trung bình	
5	CDT120220651021600125	Phạm Minh	Quân	30/11/2002	90	7,71	3	Khá	
6	CDT120220651021600127	Đặng Quốc	Quỳnh	06/11/2002	90	6,76	2,43	Trung bình	
7	CDT120220651021600131	Hứa Tấn	Tài	24/04/2002	90	7,15	2,61	Khá	
8	CDT120220651021600133	Nguyễn Trọng	Tân	20/08/2002	90	7,63	2,95	Khá	
9	CDT120220651021600142	Đinh Công	Thành	23/12/2001	90	6,92	2,55	Khá	
10	CDT120220651021600144	Nguyễn Đức	Thắng	27/12/2002	90	7,97	3,15	Khá	
11	CDT120220651021600145	Nguyễn Hữu	Thắng	28/02/1998	90	7,01	2,57	Khá	
12	CDT120220651021600146	Trần Anh	Thắng	16/07/2002	90	6,58	2,29	Trung bình	
13	CDT120220651021600134	Bùi Quyết	Tiến	13/06/2002	90	7,37	2,83	Khá	
14	CDT120220651021600135	Lương Ngọc	Tiến	15/10/2002	90	7,13	2,7	Khá	
15	CDT120220651021600137	Vương Đức	Toàn	15/08/2002	90	7,56	2,93	Khá	
16	CDT120220651021600139	Nguyễn Văn	Tuấn	30/03/2002	90	7,2	2,75	Khá	
17	CDT120220651021600147	Lương Thế	Vinh	19/05/2001	90	7,02	2,57	Khá	

Danh sách ấn định: 17 sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc

Giỏi

Khá 12

Trung bình 5

Ngày .... tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 412 /QĐ-CĐKTKT-ĐT, ngày 15 tháng 05 năm 2023)

Lớp: K16CĐ-Ô TÔ C - NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Lý do chưa đủ điều kiện tốt nghiệp
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
1	CDT120220651021600115	Đào Ngọc	Dương	18/03/2002	81	6,4	2,19	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Vẽ kỹ thuật-TED231 (1.30))]
2	CDT120220651021600117	Đỗ Đăng	Khoa	03/07/2002	81	7,36	2,77	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: SC-BD hệ thống phân phối khí-RGS331 (3.10))]
3	CDT120220651021600118	Nguyễn Đức	Lâm	11/09/2002	81	6,35	2,12	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: Vẽ kỹ thuật-TED231 (0.60))]
4	CDT120220651021600119	Nông Đức	Mạnh	13/05/2000	80	6,74	2,39	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (80/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(80/84: Tiếng Anh 2-FOL121 (3), Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa-GAT321 (0))]
5	CDT120220651021600130	Sái Hứa Xuân	Sơn	23/09/2001	74	5,55	1,77	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (74/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(74/84: Vẽ kỹ thuật-TED231 (1), Cơ kỹ thuật-MEE221 (0.80), Vật liệu Cơ khí-MEN221 (0), Tin học-GIF131 (0))]; ĐTK HE4 = 1.77; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt, GDTC(1,8)
6	CDT120220651021600141	Lê Công	Thái	05/12/2002	79	7,11	2,68	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (79/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(79/84: BD&SC cơ cấu trục khuỷu thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ-RCE341(MD)1 (2.80))]
7	CDT120220651021600138	Đặng Quang	Tú	02/08/2002	76	6,02	2,1	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (76/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(76/84: Vẽ kỹ thuật-TED231 (0), Cơ kỹ thuật-MEE221 (0.90), Tin học-GIF131 (0))]

8	CDT120220651021600140	Nguyễn Xuân	Tuyển	25/04/2001	81	6,51	2,31	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (81/84)[Khối kiến thức nghề nghiệp(81/84: SC-BD Hệ thống nhiên liệu động cơ xăng và bộ chế hòa khí-HXK332 (2.60))]

Danh sách ấn định: 08 Sinh viên

Ngày tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh